

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 250/2021/TLST/HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Thanh N, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp PT 1, xã AT, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp PT 1, xã AT, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21/12/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Bùi Thanh N và bà Phạm Thị T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về hôn nhân:** Ông Bùi Thanh N và bà Phạm Thị T thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Ông Bùi Thanh N được nuôi dưỡng con chung tên Bùi DN, sinh ngày 13/5/2014. Bà Phạm Thị T được nuôi dưỡng con chung tên Bùi Thị YN, sinh ngày 29/6/2007; Bùi TN, sinh ngày 27/01/2016.

Ông N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con Bùi Thị YN số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng cho đến khi Bùi Thị YN đủ 18 tuổi.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông N, bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với Bùi DN, Bùi TN.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu phù hợp quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung:

Ông N được quyền sở hữu xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, biển số 61F1-42466, số khung 1340KY084014, số máy E3S1E12672 trị giá 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Ông N được quyền sở hữu xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, biển số 61A-093.31, số khung RLLSF69YDCH913744, số máy F15S34664671 trị giá 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Bà T được quyền sở hữu xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển số 61F1-354.90, số khung 5811GY531877, số máy JF66F0467642 trị giá 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Ông N có trách nhiệm thanh toán cho bà T số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí HNGĐST: Ông Bùi Thanh N tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con được khấu trừ số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0044156 ngày 17 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Ông N còn phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng)

Bà T phải nộp 5.250.000 đồng (Năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) được khấu trừ số tiền 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0044179 ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Bà T được nhận lại số tiền 10.750.000 đồng (Mười triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- UBND xã AT (Số 32, ngày 07/9/2006);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Mạnh